TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con giữa chị E và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trọng;

Bà Đinh Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoàng E, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

Con chung của chị E và anh T: Em Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011. Địa chỉ:cư trú: ấp K , xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Hoàng E trình bày: Chị và anh T chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn quá hạn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2003. Sau khi kết hôn hai người về chung sống với nhau tại ấp K, xã T, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm

1997 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 hiện đang sống với chị.

Nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị E yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2019 và tại phiên hòa giải ngày 18/3/2019 anh Nguyễn Thanh T trình bày như sau: Anh thừa nhận là chung sống với chị E và có đăng ký kết hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh T thống nhất như lời trình bày của chị E. Về nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng có kinh tế khó khăn nên anh đi làm xa ở Nha Trang từ tháng 07/2018 cho đến nay không có về nhà, do vợ anh ở nhà hiểu lầm anh chơi bời có vợ khác ngoài Nha Trang nên vợ chồng mâu thuẩn cự cãi. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị Em mà yêu cầu xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cho tốt.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh có yêu cầu như sau:

Về con chung: do Nguyễn Thị Thanh N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết, còn con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 hiện đang sống chung với chị E thì anh đồng ý giao cho chị E tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Em Nguyễn Thanh T trình bày: em là con ruột của bà E và ông T. Khi cha mẹ em ly hôn em có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Hoàng E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn thì không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Nguyễn Thị Hòang E ly hôn với anh Nguyễn Thanh T,

giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 cho chị E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời anh T được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Buộc chị E phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hoàng E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Tòa án đã triệu tập anh T để xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Tú vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Tú.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Em và anh Tú sống với nhau vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị Em cho rằng chị và anh Tú mâu thuẫn là do vợ bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, anh và chị đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Còn anh Tú thì cho rằng do gia đình kinh tế khó khăn nên anh đi làm thuê xa ở Nha Trang từ tháng 7 năm 2018 đến nay, từ khi đi làm đến nay anh không có về thăm gia đình nên chị Em hiểu nhầm anh có vợ khác ngoài Nha Trang nên đã đi lên thành phố làm thuê để nuôi con. Anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cho tốt. Vấn đề này thấy rằng: anh Tú cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh vẫn còn thương vợ con nên xin đoàn tụ nhưng kể từ khi anh đi Nha Trang làm thuê là tháng 7/2018 đến khi chị Em nộp đơn ly hôn ra Tòa án thì anh không có lần nào về thăm gia đình, thăm vợ con, kể cả khi ngày lễ, ngày tết cổ truyền, điều này chứng tỏ rằng anh Tú không có quan tâm, chăm sóc gì đến vợ con, bỏ mặc vợ anh cùng con nhỏ phải bỏ nhà đi thành phố làm thuê kiếm sống. Mặt khác, khi tòa án triệu tập anh Tú lên Tòa để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng anh Tú vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng và theo lời khai tại phiên tòa hôm nay của chị Em cho rằng từ khi Tòa án hòa giải ngày 18/3/2019 cho đến nay, anh Tú cũng không có chủ động, thậm chí là gọi điện thoại gặp chị Em để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy chứng tỏ anh Tú không có thiện chí để đoàn tụ cùng chị Em và mâu thuẫn giữa anh Tú và chị Em đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng E, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Nguyễn Thanh T, xử cho chị Em được ly hôn với anh Tú là có căn cứ, phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng E và anh Nguyễn Thanh T thống nhất trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ngân, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 hiện do chị Em trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị Em yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 mà không yêu cầu anh Tú phải cấp dưỡng nuôi con; anh Tú cũng đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 cho chị Em tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con, đồng thời đây cũng là nguyện vọng của cháu Nguyễn Thanh T, khi cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Em. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận là giao cháu Nguyễn Thanh T cho chị Nguyễn Thị Hoàng E tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền được tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải ngày 18/3/2019 và tại phiên tòa hôm nay chị E được nghe Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị E xác định là một mình chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng E phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 273, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng E; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Nguyễn Thanh T.

Tuyên xử: Cho chị Nguyễn Thị Hoàng E được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Hoàng E và anh Nguyễn Thanh T. Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Hoàng E tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019788, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, chị Em đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Hoàng E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử lại theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chí Công

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Tình **Nguyễn Hữu Trọng** **Trần Văn Chí Công**